

Bản án số: 15/2018/DS-ST.

Ngày: 31 – 10– 2018.

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Hồng Hiệp.

2. Ông Lê Hồng Điệp.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Buól– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa* Bà Dương Thị Ngọc Bích-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-DS, ngày 03/04/2018, về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS, ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp H2, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp H2, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 03 năm 2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc K (bà K) trình bày: Vào ngày 26/12/2017 (âm lịch), bà Trần Thị Ngọc K có gửi cho bà Nguyễn Thị H (bà H) chở thuê cau lên Thành phố Hồ Chí Minh bán, gồm 16 bọc cau, mỗi bọc 700 trái trị giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) x 16 bọc = 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Bà H nhận chở thuê cho bà và có nói là chuyến xe này khoảng 08 giờ sáng ngày hôm sau là đến Thành phố Hồ Chí Minh. Tin lời bà H nên bà K gọi điện thoại cho người đặt mua là 09 giờ sáng ra nhận cau. Tuy nhiên mãi đến 15 giờ xe mới tới Thành phố Hồ Chí Minh nên

người mua không nhận cau nữa do cau đã cũ. Không giao được cau, bà H chở cau về thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú. Bà K có điện thoại cho bà H nhưng bà H không nghe máy, đến nhà tìm thì không gặp.

Ngày 15/01/2018 (âm lịch), bà H nói với bà K là đã bán được cau rồi, bà H nói chuyện này do lỗi tài xế, việc ngoài ý muốn nên mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  thiệt hại và hẹn bà K một tuần sau đến nhận 8.000.000 đồng tiền bán cau. Đến hẹn bà K đến nhận tiền thì bà H không trả.

Nay bà Trần Thị Ngọc K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) gồm 14.400.000 đồng vốn gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi.

\*Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà K về việc bà có nhận vận chuyển 16 bịch cau mỗi bịch khoảng 20 kg đến 30 kg lên thành phố Hồ Chí Minh như bà K đã khai. Sau khi nhận cau do tài xế của bà quên chất cau lên xe để vận chuyển nên chuyển hàng hôm sau bà mới vận chuyển lên thành phố, nhưng khi giao cau người nhận không nhận vì lý do trễ chợ (vì giao trễ) nên bà đã vận chuyển về. Khi đưa hàng về bà đã nhiều lần liên hệ với bà K để giao lại hàng nhưng bà K không nghe máy nên bà đã mang bán số cau này được 2.000.000 đồng. Việc bà bán cau có ông Bé tư (chồng bà K) biết và đồng ý. Về giá trị toàn bộ số cau của bà K khi gởi bà không biết. Nay bà K yêu cầu bà bồi hoàn lại giá trị toàn bộ số cau là 16.000.000 đồng bà không đồng ý vì đây là lỗi của tài xế của bà quên chất hàng để vận chuyển bà không có lỗi.

\*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé T (Ông Bé T) trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Trần Thị Ngọc K như đã nêu trên. Về việc bà H khai là sau khi vận chuyển hàng về có liên lạc với vợ chồng ông và khi bán cau có ông chứng kiến và đồng ý là không đúng.

\*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và ý kiến của vợ ông là bà Nguyễn Thị H như trên không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Ngày 10/10/2018 ông Nguyễn Ngọc D có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt ông do bận việc làm ăn.

\*Tại các biên bản lấy lời khai các ngày 15/6 và ngày 02/7 năm 2018 những người làm nghề mua bán cau và có quan hệ mua bán cau với bà K là ông Nguyễn Văn Q, ông Bạch Văn L và bà Trần Thị Hồng Cúc đều cho biết. Trong nghề mua bán cau về số lượng đơn vị tính là 70 đôi là 140 trái gọi là 100 cau và tại thời điểm giáp tết âm lịch năm 2017 cau dầy (loại tốt) thu mua tại nhà vườn khoảng 150.000 đến 160.000 đồng/ 100 cau và bán lại cho bà K là 180.000 đồng/100 cau.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản là chưa đúng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo đơn khởi kiện ngày 21/03/2018 của bà Trần Thị Ngọc K yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp đòi lại tài sản giữa bà K với bà H địa chỉ ấp H2, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc D và những người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, ông Nguyễn Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người làm chứng đã được tòa án triệu tập hợp lệ, họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có tên nêu trên.

*\*Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc K yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thị H trả lại cho bà K 16 bịch cau mỗi bịch 700 trái trị giá 14.400.000 đồng vốn và 1.600.000 đồng tiền lãi*

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 (Bút lục số: 11) và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị H thừa nhận vào ngày 26 tết năm 2017 âm lịch bà có nhận vận chuyển cau của bà K số lượng là 16 bịch mỗi bịch khoảng 20 đến 30 ký lên thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng khi xe khởi hành thì lái xe quên chất cau lên xe, đến ngày hôm sau khi vận chuyển hàng lên để giao thì bên nhận hàng không nhận vì giao trễ nên số cau này đã được vận chuyển về. Với sự thừa nhận của bà H về những nội dung, tình tiết nêu trên căn cứ vào quy định khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật.

[3] Theo bà H thì sau khi vận chuyển cau về bà đã cố gắng liên lạc với bà K để hai bên thỏa thuận giao trả lại hàng hóa (cau) nhưng không liên lạc được, do đó bà đã bán số cau này có sự đồng ý của ông Bé T (chồng bà K) để tránh hư hỏng, mất giá. Về việc bà K yêu cầu trả lại giá trị hàng hóa là 16.000.000 đồng bà không đồng ý vì đây là lỗi của người lái xe của bà quên chất hàng, bà không

có lỗi bà chỉ đồng ý bồi hoàn 4.000.000 đồng. Xét thấy, Thỏa thuận vận chuyển hàng hóa được xác lập giữa bà H với bà K nghĩa vụ của bên vận chuyển hàng là giao hàng đúng chủng loại, số lượng và thời hạn theo các bên thỏa thuận trong vụ việc này phía bên nhận vận chuyển có lỗi, không thực hiện đúng thỏa thuận, đã để quên hàng hóa cần vận chuyển không giao hàng cho người nhận đúng hạn, gây thiệt hại cho bên gửi hàng hóa. Do đó, bà K yêu cầu bà H trả lại giá trị hàng hóa và bồi thường thiệt hại khoản tiền lãi bán cau là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc bà H cho rằng bà đã bán số cau này có sự đồng ý của ông Bé Tư và bà không đồng ý với yêu cầu của bà K vì đây là lỗi của lái xe của bà, không phải lỗi của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Bé T và bà K không thừa nhận là đã đồng ý cho bà H bán số cau nêu trên. Còn việc bà H cho rằng bà không có lỗi là không đúng vì bà H là người đại diện cho bên vận chuyển trực tiếp nhận vận chuyển hàng hóa thì dù là lỗi của lái xe vận chuyển hàng hóa cho bà cũng là lỗi của bên vận chuyển mà bà H là người đại diện. Do đó, ý kiến của bà H không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và lời khai của những người làm chứng về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả mua bán cau tại thời điểm bà K và bà H xác lập hợp đồng vận chuyển cau (ngày 26 tháng 12 năm 2017 âm lịch) như trong phần nội dung vụ án được thể hiện như trên có đủ cơ sở để kết luận trị giá, số lượng cau mà bà K đã gửi cho bà H là: 16 bịch cau mỗi bịch 700 trái bằng 5 trăm cau giá trị toàn bộ số cau của bà K là: 5 trăm cau x 180.000 đồng x 16 bịch = 14.400.000 đồng. Bà K yêu cầu bà H và ông D bồi hoàn giá trị số lượng cau đã gửi là 14.400.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu hoàn trả tiền lãi bán số lượng 16 bịch cau bằng 5 trăm cau x 20.000 đồng x 16 = 1.600.000 đồng nêu trên. Xét thấy, đây chỉ là khoản tiền dự tính của bà K, không thể hiện được giá trị có thực hay tổn thất, thiệt hại thực tế, bà K không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ. Do đó, yêu cầu của bà K đối với khoản tiền này không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán: Quan hệ giữa bà H và ông D là vợ chồng, cả hai đều thừa nhận việc làm ăn kinh doanh vận tải lợi nhuận thu được nhằm phục vụ cho nhu cầu cuộc sống trong gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ nêu trên.

[6] Về tình tiết nguyên đơn khai vào ngày rằm tháng giêng năm 2018 hai bên có gặp nhau thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu một nửa thiệt hại, bà H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà K 8.000.000 đồng nhưng đến hạn trả tiền bà H không thực hiện thỏa thuận này. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng thừa nhận có thỏa thuận này nhưng phía bị đơn không thực hiện vì nghĩ số tiền bồi hoàn 8.000.000 đồng là quá cao. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà H đồng ý bồi hoàn cho bà K 8.000.000 đồng. Xét thấy, đây là thỏa thuận có lợi cho phía bị đơn nhưng phía bị đơn không thực hiện là lỗi của bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn không đồng ý tiếp tục thực hiện thỏa thuận nêu trên nên không có

căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét buộc các bên tiếp tục thực hiện thỏa thuận nêu trên.

[7] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa đúng. Xét thấy, mặc dù các bên có thỏa thuận hợp đồng vận chuyển hàng hóa, nhưng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại tài sản đã giao cho phía bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản là có cơ sở đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Do yêu cầu của Bà Trần Thị Ngọc K được chấp nhận một phần nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị H phải chịu bằng 5% số tiền mà bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Trần Thị Ngọc K là: 14.400.000 đồng x 5% = 720.000 đồng.

-Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc K phải chịu đối với yêu cầu của bà không được chấp nhận bằng 300.000 đồng

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* **Áp dụng:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 185, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 235, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 166, 170, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

#### **\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc K. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc K 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Trần Thị Ngọc K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc D trả xong cho bà Trần Thị Ngọc K toàn bộ số tiền 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thiếu theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc D phải liên đới chịu 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002161 ngày 03 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú,

tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị Ngọc K được nhận lại 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trung Hà**